

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HS-ST

Ngày: 30-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Nhàn;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa : Ông Võ Hoàng Nhân- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Phan Thành D, sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp B, xã N, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành T và bà Phan Thị Thanh H; có vợ: Đỗ Trương Huyền D (đã ly hôn); con có 02 người, lớn nhất sinh 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án không, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Bị hại: Nguyễn Kim D, sinh năm 1982; trú tại: khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1965; trú tại: khu p, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.(vắng mặt)

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Zalo, Phan Thành D quen biết với chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1982, ngụ khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vào ngày 08-02-2021, D hẹn chị D đến quán cà phê “Bích Trâm” thuộc khu phố 4 thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành để uống nước. Sau đó, D hỏi mượn xe mô tô hiệu Air Blade biển số 70D1-144.58 của chị D để chạy xuống thành phố Hồ Chí Minh lấy tiền công và hẹn đến chiều cùng ngày thì trả xe nên chị D đồng ý giao xe cho D. Khi mượn được xe, D chạy đến khu vực thị xã Trảng Bàng thì quay về do sợ dịch bệnh. Đến chiều cùng ngày, D chạy xe ra quán nhậu tại khu vực phường 3, thành phố Tây Ninh để nhậu cùng với bạn bè rồi về nhà ở xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành ngủ. Đến ngày 09-02-2021, do không có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định mang xe đi thế chấp lấy tiền. D mang xe đến tiệm cầm đồ “T” do ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1965, làm chủ thuộc khu vực phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh thế chấp được số tiền 8.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Ngày 10-02-2021, D gặp, nói cho chị D biết việc đã thế chấp xe và hứa sẽ kiếm tiền chuộc xe trả cho chị D nhưng D không thực hiện mà bỏ trốn. Sau đó, chị D đến Công an trình báo sự việc, ngày 16-02-2021, D đang ở tỉnh Bình Dương thì bị nhóm hiệp sĩ Bình Dương mời về Công an phường làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 06 ngày 01-3-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 70D1-144.58 có giá trị là 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Phan Thành D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số: 34/QĐ-KSĐT ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Phan Thành D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo D về tội D trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thành D từ 06 đến 09 tháng tù; do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: chị D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên ghi nhận; ông T yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền đã nhận cầm cố xe là 8.000.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

Về bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì bào chữa cho mình.

Về nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình lo cho con và có cơ hội làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nhưng lời khai và yêu cầu của họ đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến nội D vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội D: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội D bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. **Do có mối quan hệ quen biết với chị D nên bị cáo D đã mượn xe Honda Air Blade, biển số 70D1-144.58 có giá trị là 10.000.000 đồng của chị D để làm phương tiện đi lại. Sau khi mượn được xe, bị cáo không có tiền tiêu xài nên đã mang xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài nhưng chị D không biết. Sau đó, bị cáo không có xe để trả lại cho chị D nên đã bỏ trốn sang tỉnh Bình Dương thì bị bắt. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn thực hiện.**

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Thành D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, **cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bảo đảm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.**

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; **bị cáo là bộ đội xuất ngũ.** Đây là các tình tiết giảm nhẹ

được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp: bị D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên ghi nhận; ông T yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền đã nhận cầm cố xe là 8.000.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ông T như yêu cầu nên ghi nhận.

[5] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý.

[6] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phan Thành D** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Phan Thành D 06 tháng tù. **Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính bắt bị cáo đi chấp hành án.**

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự: bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho ông T số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;
- Sở TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ

Nguyễn Quốc Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Hoàng

Huỳnh Thanh Nhân

Nguyễn Quốc Hùng